TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 11– 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tất Hùng.
- Ông Lê Văn Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hợi – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 230/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 198x. Hộ khẩu thường trú xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay xóm B, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình L. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của ông Lê Đình L: Ông Lê Đình Th, sinh năm 193x và bà Phan Thị Th, sinh năm 195x. Đều có địa chỉ xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 21/9/201x tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến năm 2022 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ tháng 01/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong gia đình. Từ tháng 9/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay bà Nguyễn Thị H thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L có 01 con chung là Lê Đình Bình A – sinh ngày 20/7/201x. Ly hôn thì bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao con chung cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Đình L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê Đình Th, bà Phan Thị Th thống nhất trình bày: Anh Lê Đình L và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 21/9/201x tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn giữa 02 người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 8/2023. Từ tháng 9/2023 đến nay, anh Lê Đình L, chị Nguyễn Thị H sống ly thân.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh Lê Đình L và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Lê Đình Bình A – sinh ngày 20/7/201x. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Đình L thì ông Lê Đình Th, bà Phan Thị Th đề nghị Tòa án giao con chung là Lê Đình Bình A cho anh Lê Đình L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Lê Đình Bình A đang sống cùng với chị Nguyễn Thị H tại xóm B, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An và đang học trường mầm non tại xã NS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Nhưng từ khi còn nhỏ cho đến khoảng tháng 8/2023 cháu Lê Đình Bình A sinh sống cùng bố mẹ và ông bà nội tại xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay anh Lê Đình L không có nghề gì, chủ yếu ở nhà phụ giúp bố mẹ công việc nhà, thu nhập hàng tháng là 540.000 (Năm trăm bốn mươi nghìn) đồng/01 tháng từ chế độ bảo trợ xã hội của Nhà nước đối với người bị bệnh tật.

Trong thời kỳ hôn nhân anh Lê Đình L và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên toà và tại phần tranh luận: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật; nếu giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình L thì đề nghị giao con chung cho anh Lê Đình L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 71, 72, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình L.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Đình Bình A, sinh ngày 20/7/201x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Đình L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Lê Đình L có địa chỉ cư trú tại xóm A, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện với yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng do bị đơn bị khuyết tật nặng không thể nhận thức, làm chủ hành vi và đang được hưởng trợ cấp xã hội nên căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 136 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định ông Lê Đình Th – bà Phan Thị Th (Bố mẹ đẻ của anh Lê Đình L) là người đại diện theo pháp luật của anh Lê Đình L nên có quyền thay mặt anh Lê Đình L để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến trình bày đầy đủ và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do đó việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và bản sao trích lục kết hôn số 42/TLKH-BS ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc; có làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 21/9/201x tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, vì vậy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L là hợp pháp.

Từ tháng 9/2023 đến nay, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình L sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã kiên trì hòa giải để bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình L đoàn tụ gia đình nhưng do bà Nguyễn Thị H cho rằng đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bản thân ông Lê Đình L bị bệnh tâm thần nên không thể lao động, kiếm thu nhập nuôi bản thân và gia đình, bà Nguyễn Thị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên việc hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin

vắng mặt và có nguyện vọng ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị H không còn tình cảm vợ chồng với ông Lê Đình L, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Đình L có 01 (Một) con chung là Lê Đình Bình A – sinh ngày 20/7/201x. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Đình Bình A. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của các đương sự về việc được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đình Bình A là chính đáng, nhưng xét việc ông Lê Đình L hiện nay đang bị bệnh tâm thần, bản thân ông Lê Đình L không có khả năng lao động, không có thu nhập, hiện đang phải sống nhờ bố mẹ và tiền trợ cấp của Nhà nước nên việc giao con chung cho ông Lê Đình L chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về lâu dài của cháu Lê Đình Bình A. Trong khi đó bà Nguyễn Thị H đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Kido Vinh, có thu nhập ổn định và từ trước đến nay là người chăm lo việc sinh hoạt, học tập của cháu Lê Đình Bình A, hiện nay cháu Lê Đình Bình A đang sinh sống ổn định cùng bà Nguyễn Thị H tại xóm B, xã BS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền, lợi ích cho con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Đình L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và do ông Lê Đình L đang bị bệnh tâm thần được hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước, bản thân đang sống nhờ vào bố mẹ nên Hội đồng xét xử không buộc ông Lê Đình L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Đình L.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Lê Đình Bình A, sinh ngày 20/7/201x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Lê Đình L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị H.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nạp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003068 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Đình Th, bà Phan Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND Nam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà